

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 86

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI BỐN: HỌC KHẮP

KINH: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu đại trí tuệ hành pháp sâu xa ấy cũng không thọ quả báo.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Đại trí tuệ của Bồ-tát thành tựu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa ấy, cũng không thọ quả báo. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đối với các pháp chẳng động.

Bạch đức Thế Tôn! Đối với các pháp gì chẳng động?

Phật dạy: Đối với tính Không có sở hữu bất động.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tính sắc bất động, đối với tính thọ, tưởng, hành, thức bất động, đối với tính Thí Ba-la-mật cho đến tính Bát-nhã Ba-la-mật bất động; đối với tính bốn thiên bất động, tính bốn tâm vô lượng bất động, tính bốn định vô sắc bất động, tính bốn niệm xứ bất động cho đến tính tám phần thánh đạo bất động, đối với tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác cho đến tính đại từ đại bi bất động. Vì sao? Vì tính các pháp ấy chính là không có sở hữu, vì pháp không có sở hữu thì không thể được pháp sở hữu.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp có sở hữu có thể được pháp sở hữu chẳng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp có sở hữu có thể được pháp không sở hữu chẳng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp không có sở hữu có thể được pháp không có sở hữu chẳng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có sở hữu, không thể được pháp có

sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp không có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, vậy sẽ không có Thế Tôn, không được đạo chăng?

Phật dạy: Có được, nhưng không do bốn câu được.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là được?

Phật dạy: Chẳng phải có sở hữu, chẳng phải không có sở hữu, không có các hí luận ấy, ấy gọi là đắc đạo.

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hí luận của Bồ-tát?

Phật dạy: Bồ-tát quán sắc hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán thọ, tưởng, hành thức hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán sắc hoặc khổ hoặc vui, thọ, tưởng, hành, thức hoặc khổ hoặc vui, ấy là hí luận; quán sắc hoặc ngã hoặc phi ngã, thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc phi ngã; sắc hoặc tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, ấy là hí luận. Quán khổ Thánh đế ta nên thấy, tập thánh đế ta nên đoạn, diệt thánh đế ta nên chứng, đạo thánh đế ta nên tu, ấy là hí luận; ta nên tu bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là hí luận; ta nên tu bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ấy là hí luận; ta nên tu môn giải thoát không, môn giải thoát vô tướng, môn giải thoát vô tác, ấy là hí luận; ta nên tu tám bội xả, định chín thứ lớp, ấy là hí luận; ta nên vượt qua quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, ấy là hí luận; ta nên đầy đủ mười địa của Bồ-tát, ấy là hí luận; ta nên vào Bồ-tát vị, ấy là hí luận; ta nên nghiêm tịnh cõi Phật, ấy là hí luận; ta nên thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, ấy là hí luận; ta nên sinh mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, ấy là hí luận; ta nên được trí Nhất thiết chủng, ấy là hí luận; ta nên dứt hết thủy phiền não tập khí, ấy là hí luận. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, sắc hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận cho nên không nên hí luận; thọ, tưởng, hành thức, hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận cho nên không nên hí luận, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận cho nên không nên hí luận. Vì sao? Vì tính Không thể hí luận là tính, vô tính Không thể hí luận là vô tính; tính là, tính Không có, lại không có pháp có thể nắm bắt được. Hí luận là hí luận pháp, hí luận chỗ, vì thế nên sắc không có hí luận, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có hí luận. Như vậy, Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật không có hí luận.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao sắc không thể hí luận cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì tính sắc không có cho đến tính trí Nhất thiết chủng không có, như tính pháp không có tức là không có hí luận, vì thế nên sắc không thể hí luận. Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã không hí luận được như thế, thì khi ấy được vào Bồ-tát vị.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tính các pháp không có, thì Bồ-tát hành đạo gì được vào Bồ-tát vị? Hành đạo Thanh-văn, hành đạo Bích-chi Phật hay hành Phật đạo?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không do đạo Thanh-văn, không do đạo Bích-chi Phật, không do Phật đạo được vào Bồ-tát vị mà Bồ-tát học khắp các đạo được vào Bồ-tát vị. Thí như hàng Bát nhân trước học các đạo sau đó mới vào chính vị, chưa được quả mà trước đã sinh đạo quả; Bồ-tát cũng như vậy, trước học khắp các đạo tiếp sau vào Bồ-tát vị, cũng chưa được trí Nhất thiết chủng mà trước được sinh tam-muội Kim cang, bấy giờ do một niệm tương ứng với trí tuệ, được trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát học khắp các đạo mà vào Bồ-tát vị, thì hạng người Bát nhân hưởng đến Tu-đà-hoàn, được Tu-đà-hoàn, hưởng đến Tư-đà-hàm, được Tư-đà-hàm, hưởng đến A-na-hàm, được A-na-hàm, hưởng đến A-la-hán, được A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo, mà các đạo ấy mỗi mỗi khác nhau? Nếu Bồ-tát học khắp các đạo ấy sau vào Bồ-tát vị thì Bồ-tát ấy nếu sinh Bát đạo thì nên làm hạng Bát nhân, nếu phát sinh Kiến đạo thì làm Tu-đà-hoàn, nếu phát sinh Tư duy đạo thì nên làm Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; nếu phát sinh Bích-chi Phật đạo thì làm Bích-chi Phật? Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát làm hạng Bát nhân sau đó mới vào Bồ-tát vị, thì lẽ ấy không thể có. Không vào Bồ-tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không thể có. Làm Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, vậy sau mới vào Bồ-tát vị cũng không có lẽ ấy. Không vào Bồ-tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không có lẽ ấy. Bạch đức Thế Tôn! Con làm sao biết Bồ-tát học khắp các đạo được vào Bồ-tát vị?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu Bồ-tát làm hạng Bát nhân được quả Tu-đà-hoàn cho đến được quả A-la-hán, được đạo Bích-chi Phật, sau đó vào Bồ-tát vị, thì không thể có lẽ ấy, không vào Bồ-tát vị mà được trí Nhất thiết chủng, thì không có lẽ ấy. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm, tu sáu Ba-la-mật, nhờ trí quán sát mà vượt qua tám địa là Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích-chi Phật địa, nương Đạo chủng trí mà vào Bồ-tát

vị. Vào Bồ-tát vị rồi nhờ trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thủy phiền não và tập khí. Ở Bát nhân địa hoặc trí, hoặc đoạn là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn; ở Tu-đà-hoàn hoặc trí (trí biết khổ đế - ND) hoặc đoạn (đoạn trừ tập đế - ND); Tư-đà-hàm hoặc trí hoặc đoạn, A-na-hàm hoặc trí hoặc đoạn, A-la-hán hoặc trí hoặc đoạn, Bích-chi Phật hoặc trí hoặc đoạn đều là Bồ-tát nhẫn, Bồ-tát học Thanh-văn, Bích-chi Phật. Như vậy, nương Đạo chủng trí mà vào Bồ-tát vị; vào Bồ-tát vị rồi nương trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thủy phiền não và tập khí, được Phật đạo. Như vậy, Bồ-tát học khắp các đạo đầy đủ nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi đem kết quả lợi ích chúng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói đạo: Đạo Thanh-văn, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo, thế nào là Đạo chủng trí của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát nên sinh trí thanh tịnh về hết thủy đạo chủng. Thế nào là trí thanh tịnh về hết thủy đạo chủng? Đó là, nếu các pháp có tướng mạo có thể hiển bày, thì Bồ-tát nên biết đúng đắn; biết đúng đắn rồi, vì người khác diễn nói, khai thị khiến được hiểu rõ. Bồ-tát nên hiểu hết thủy âm thanh, ngôn ngữ; dùng âm thanh, ngôn ngữ ấy thuyết pháp lan khắp thế giới đại thiên ba ngàn như tiếng vang. Vì thế nên Bồ-tát nên trước hết nên học đầy đủ hết thủy đạo. Đạo trí đầy đủ rồi thì nên phân biệt tâm sâu xa của chúng sinh: Đó là chúng sinh địa ngục, đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục, nên biết, nên ngăn trừ; phân biệt biết súc sinh, nhân súc sinh, quả súc sinh, nhân ngạ quỷ, quả ngạ quỷ, đường ngạ quỷ, nên biết, nên ngăn trừ; các rồng, quỷ thần, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và quả A-tu-la đạo nên biết, nên ngăn trừ; nhân và quả của nhân đạo nên biết; nhân và quả của tiên đạo nên biết; nhân và quả của trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời Quang Âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tướng, trời A-bà-la-ha, trời Vô nhiệt, trời Dị kiến, trời Hỷ kiến, trời A-ca-nị-sắc nên biết; nhân và quả của Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi-hữu-tướng Phi vô tướng xứ đạo nên biết; nhân và quả của bốn niêm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo nên biết; nhân và quả của môn Không giải thoát, môn Vô tướng, Vô tác giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi nên biết. Bồ-tát do các đạo ấy khiến chúng sinh vào đạo Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-

chi Phật, đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy gọi là Đạo chủng trí thanh tịnh của Bồ-tát. Bồ-tát học Đạo chủng trí ấy rồi vào tâm sâu xa của chúng sinh; vào rồi theo tâm sâu xa của chúng sinh mà thuyết pháp thích hợp, lời nói không hư dối. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy khéo biết căn tính của chúng sinh, biết tâm và tâm số pháp của chúng sinh trong đường sinh tử. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành đạo Bát-nhã Ba-la-mật như vậy. Vì sao? Vì hết thấy thiện pháp trợ đạo đều vào trong Bát-nhã. Các Bồ-tát, Thanh-văn, Bích-chi Phật nên thực hành.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là hết thấy pháp đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thì làm sao do pháp trợ đạo ấy có thể thủ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế Tôn! Pháp một tướng, không tướng, không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối ấy không có gì lấy, không gì bỏ, như hư không không lấy không bỏ.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp tự tính là không, không có gì lấy, không có gì bỏ; vì chúng sinh không biết tự tính các pháp là không, nên vì họ mà khai thị pháp trợ đạo, có thể thủ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, sơ thiền cho đến Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, các pháp ấy ở trong Thánh pháp đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Vì theo pháp thế tục nên vì chúng sinh giảng nói, làm cho hiểu rõ, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Nay Tu-bồ-đề! Đối với hết thấy pháp ấy, Bồ-tát nên dùng trí thấy pháp như thật mà học; học xong phân biệt các pháp nên dùng hay không nên dùng.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát phân biệt những pháp gì rồi nên dùng, hay không nên dùng?

Phật dạy: Pháp Thanh-văn, Bích-chi Phật phân biệt biết không nên dùng, trí Nhất thiết chủng phân biệt biết nên dùng. Như vậy, Bồ-tát đối với Thánh pháp nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Thánh pháp, Thánh pháp gồm những gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp Thanh-văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát và Phật

với tham dục, sân giận, ngu si không hợp, không tán, dục nhiễm, sân giận không hợp, không tán; sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, trạo cử, kiêu mạn, vô minh không hợp, không tán; Sơ thiền cho đến đệ Tứ thiền không hợp, không tán, từ bi hỷ xả, hư không xứ cho đến Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ không hợp, không tán; bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo không hợp, không tán; nội không cho đến đại bi, tánh hữu vi, tánh vô vi không hợp, không tán. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là không sắc, không hình, không đối, vì là một tướng tức vô tướng. Pháp không sắc với pháp không sắc không hợp không tán; pháp không hình với pháp không hình không hợp không tán; pháp không đối với pháp không đối, không hợp không tán; pháp một tướng với pháp một tướng không hợp, không tán; pháp vô tướng với pháp vô tướng không hợp, không tán. Nay Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật nhất tướng vô tướng, không sắc, không hình, không đối ấy, các Bồ-tát nên học; học rồi không thủ đắc các pháp tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát không học tướng sắc chăng? Không học tướng thọ, tướng, hành, thức chăng? Không học tướng mắt cho đến tướng ý? Không học tướng sắc cho đến tướng pháp? Không học tướng địa chủng cho đến tướng thức chủng? Không học Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật? Không học tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không? Không học tướng Sơ thiền cho đến tướng đệ Tứ thiền? Không học tướng từ bi hỷ xả? Không học tướng vô biên không, cho đến tướng Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng? Không học tướng bốn niệm xứ, cho đến tướng tám phần thánh đạo? Không học tướng tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, Vô tác? Không học tướng tám bội xả, định chín thứ lớp? Không học tướng mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Không học tướng Khổ thánh đế, Tập, Diệt, Đạo thánh đế? Không học tướng thuận quán, nghịch quán mười hai nhân duyên? Không học tướng hữu vi tính, vô vi tính? Bạch đức Thế Tôn! Nếu không học tướng các pháp ấy, thì Bồ-tát làm sao học tướng các pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi để khi học xong vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật? Nếu không học qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật thì làm sao vào địa vị Bồ-tát? Nếu không vào địa vị Bồ-tát, thì làm sao được trí Nhất thiết chủng? Nếu không được trí Nhất thiết chủng thì làm sao Chuyển pháp luân? Nếu không Chuyển pháp luân, thì làm sao đem đạo ba thừa độ chúng sinh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu tướng các pháp thật có thì Bồ-tát nên học tướng ấy; song vì tướng các pháp thật không, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng; vì thế nên Bồ-tát không học

tướng, không học vô tướng. Vì sao? Vì có Phật hay không có Phật, một tướng của các pháp, tính vẫn thường trú.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp chẳng có tướng chẳng phải không có tướng thì Bồ-tát làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật? Nếu không tu Bồ-tát thì không thể vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật? Nếu không vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật thì không thể vào địa vị Bồ-tát? Nếu không vào địa vị Bồ-tát thì không được vô sinh pháp nhẫn? Nếu không được vô sinh pháp nhẫn thì không thể được Bồ-tát thần thông. Nếu không được Bồ-tát thần thông thì không thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Nếu không nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh thì không thể được trí Nhất thiết chủng. Nếu không được trí Nhất thiết chủng thì không thể chuyển pháp luân? Nếu không chuyển pháp luân thì không thể làm cho chúng sinh được Tu-đà-hoàn quả cho đến đạo Bích-chi Phật, Bồ-tát; cũng không thể làm cho chúng sinh được phước bố thí, được phước trì giới, tu định?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp vô tướng chẳng phải một tướng, chẳng phải hai tướng, nếu tu vô tướng là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch: Làm sao tu vô tướng là tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tu sắc hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật, tu thọ, tưởng, hành, thức hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu quán bất tịnh hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu từ bi hỷ xả hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu bốn định vô sắc hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm thiên, niệm diệt, niệm hơi thở hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng tập, tướng nhân, tướng sinh, tướng duyên, tướng đóng, tướng diệt, tướng diệu, tướng xuất, tướng đạo, tướng trắng, tướng dấu tích, tướng lìa hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu mười hai nhân duyên hư hoại, tướng ngã, tướng chúng sinh, thọ giả, cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tướng thường, tướng vui, tướng tịnh, tướng ngã hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu bốn niệm xứ

cho đến tám phần thánh đạo hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Không, Vô tác, Vô tướng tam-muội là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tám bội xả, định chín thứ lớp hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tam-muội có giác có quán, tam-muội không giác có quán, tam-muội không giác không quán hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu khổ trí, tập trí, diệt trí, Đạo trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu tận trí, vô sinh trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu pháp trí, tử trí, thế trí, tha tâm trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thủ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu Nhất thiết trí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu dứt hết thủy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là tu sắc hư hoại cho đến tu đoạn hết thủy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không nghĩ đến có sắc pháp, ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật; không nghĩ đến có thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nghĩ đến có dứt hết thủy phiền não tập khí, ấy là tu Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì có pháp để nghĩ tới, là không tu Bát-nhã Ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề! Có pháp để nghĩ tới là không tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì người ấy chấp trước vào pháp, không hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Chấp trước như vậy là không có giải thoát, không có đạo, không có Niết-bàn; có pháp để nghĩ tới là không tu bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, không tu tam-muội Không cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì người ấy chấp trước vào pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là có pháp? Thế nào là không có pháp?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hai là có pháp, chẳng hai là không có pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là hai?

Phật dạy: Tướng sắc là hai, tướng thọ, tướng, hành, thức là hai,

tướng mắt cho đến tướng ý là hai; tướng sắc cho đến tướng pháp là hai, tướng Thí Ba-la-mật cho đến tướng Phật, tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng hữu vi, vô vi là hai. Này Tu-bồ-đề! Hết thấy tướng đều là hai, hết thấy hai đều là có pháp; thích ứng với có pháp là có sinh tử, thích ứng với có sinh tử là không được xa lìa sinh già bệnh chết ưu bi khổ não. Vì nhân duyên ấy nên biết người chấp hai tướng thì không có Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; không có đạo, không có quả, cho đến không có thuận nhãn, huống gì thấy tướng sắc cho đến thấy tướng trí Nhất thiết chủng! Nếu không tu đạo làm sao được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và dứt hết thấy phiền não tập khí?

LUÂN: Phật nói Bồ-tát hành sáu Bát-nhã Ba-la-mật, không thọ quả báo thế gian, Tu-bồ-đề tán thán việc ấy chưa từng có, bạch Phật rằng: Bồ-tát ấy thành tựu đại trí tuệ, tu hành pháp sâu xa, tạo tác nhân mà không thọ quả. Bồ-tát ấy vì làm lợi lớn cho chúng sinh nên không thọ quả báo nhỏ. Phật chấp thuận ý ấy, lại tự nói nhân duyên: Bồ-tát đối với các pháp tính Không lay động. Tính các pháp là không có sở hữu, rốt ráo không, Như, pháp tính, thật tế, Bồ-tát định tâm an trú trong ấy, không lay động.

Tu-bồ-đề hỏi: Đối với những tính gì không lay động?

Phật đáp: Đối với tính sắc không lay động, cho đến đối với tính đại từ đại bi... Vì sao? Vì tính các pháp là do nhân duyên sinh, không tự tại, không có định tướng; không có định tướng nên không có sở hữu. Các pháp là sắc pháp... nhân sắc pháp ấy nên nói vô vi. Thế nên pháp vô vi cũng không có sở hữu. Vì sao? Vì không thể dùng pháp không có sở hữu mà thủ đắc pháp sở hữu.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu không có sở hữu, không thể thủ đắc pháp sở hữu, vậy há có thể dùng pháp có sở hữu thủ đắc pháp có sở hữu ư?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp không có sở hữu được hết thấy thánh nhân xưng tán, an trú, còn không thể có sở đắc, huống gì pháp có sở hữu!

Tu-bồ-đề thưa: Pháp có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chẳng?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì có sở hữu, không có sở hữu đều có lỗi, cho nên Phật đáp là không.

Tu-bồ-đề thưa: Có thể dùng pháp không có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chẳng? Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp có sở hữu có tướng sinh, tướng trụ là pháp hư dối, còn không có sở đắc, huống gì pháp

không có sở hữu từ xưa lại đây rồi ráo không mà lại có sở đắc!

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu dùng cả bốn câu đều không có sở đắc, thì sẽ không có đạo, không đắc quả ư?

Phật đáp: Thật có đắc đạo, nhưng chỉ là không dùng bốn câu ấy. Vì sao? Vì bốn câu đều có lỗi như trên; nếu lìa bốn câu hí luận thì ấy tức là đạo.

Lại hỏi: Thế nào là tướng Bồ-tát hí luận?

Phật đáp: Sắc hoặc thường hoặc vô thường... là Bồ-tát hí luận. Vì sao? Vì nếu thường thì chẳng sinh chẳng diệt, không có tội phước, tốt xấu; nếu vô thường thì cũng không đứng. Vì sao? Vì nhân thường mà nói vô thường. Thường đã không thể có được, huống gì vô thường!

Lại nữa, nếu vô thường chắc chắn là định tướng của sắc, thì không thể có nghiệp nhân duyên quả báo. Vì sao? Vì sắc pháp... niệm niệm diệt mất. Nếu nghiệp nhân duyên và quả báo diệt mất thì không gọi là tướng vô thường? Các nhân duyên như vậy nên vô thường chẳng phải là thật tướng của sắc pháp... như đã phá ở trong phẩm Vô thường trước. Cho đến nghĩ rằng: Ta sẽ dứt hết thủy phiền não tập khí, cũng là hí luận. Sắc pháp... không thể hí luận, mà phạm phu hí luận các pháp, còn Bồ-tát đối với pháp thì không thể hí luận, tùy theo pháp không hí luận. Vì sao? Vì tự tính Không thể hí luận tự tính. Vì sao? Vì tính do nhân duyên sinh, chỉ có giả danh, làm sao có thể hí luận? Nếu có tính mà còn không thể hí luận, huống gì là vô tính? Lìa tính và vô tính, lại không có pháp thứ ba có thể hí luận? Hí luận là: Hí luận pháp, hí luận nơi chỗ, pháp ấy đều không thể có được. Nay Tu-bồ-đề! Sắc pháp... là tướng không thể hí luận. Như vậy, Bồ-tát nên tu Bát-nhã Ba-la-mật không hí luận.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên không thể hí luận: sắc pháp... vô tự tính, nếu pháp vô tự tính tức là không thể hí luận. Nếu Bồ-tát tu được Bát-nhã không thể hí luận ấy, liền được vào địa vị Bồ-tát.

Ý Tu-bồ-đề: Không có hí luận là đạo của ba thừa, vậy Bồ-tát dùng đạo gì để vào địa vị Bồ-tát không có hí luận? Phật đều đáp là không. Vì sao? Vì hàng Bồ-tát Đại thừa không nên dùng pháp Nhị thừa, vì sáu Ba-la-mật chưa đầy đủ, không thể dùng Phật đạo. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; Bồ-tát nên tu học khắp các đạo mới được vào địa vị Bồ-tát; thí như hàng Bát nhân trong hàng Kiến đế đạo, trước tiên học khắp các đạo, được vào chính vị mà chưa được quả Tu-đà-hoàn, Bồ-tát cũng như vậy; trước tiên học khắp các đạo, được vào địa vị Bồ-tát mà chưa được quả Nhất thiết chủng. Nếu Bồ-tát trú trong Kim cang tam-muội, dùng một niệm tương ứng với tuệ thì được quả Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát học khắp các đạo vậy sau mới vào địa vị Bồ-tát, các đạo ấy khác nhau; nếu Bồ-tát học khắp các đạo ấy, hoặc sinh vào tám đạo, tức là hàng Bát nhân; nếu sinh vào Bích-chi Phật đạo, tức là Bích-chi Phật; nếu Bồ-tát làm kẻ Bát nhân cho đến làm Bích-chi Phật, vậy sau mới vào địa vị Bồ-tát, thì không có lẽ ấy. Nếu không vào địa vị Bồ-tát mà được trí Nhất thiết chủng, cũng không có lẽ ấy. Con sẽ làm sao biết được Bồ-tát học các đạo, vào địa vị Bồ-tát?

Phật chấp thuận ý ấy và tự nói nhân duyên: Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, do trí quán thấy Bát địa rồi mà thẳng qua, như người có thân bị giam trong lao ngục, đi vào xem thấy nhưng cũng không cùng mang gông cùm; Bồ-tát muốn đầy đủ Đạo chủng trí nên vào địa vị Bồ-tát, xem khắp các đạo, vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi được trí Nhất thiết chủng, dứt hết phiền não tập khí. Phật khai thị cho Tu-bồ-đề rằng: Hàng Nhị thừa được phần ít trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát, thế nên hàng Bát nhân hoặc trí hoặc đoạn, cho đến Bích-chi Phật hoặc trí hoặc đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Trí là tám trí của hàng học nhân và chín hoặc mười trí của hàng vô học.

Đoạn là dứt mười kiết sử, tức là năm thượng phần kiết, năm hạ phần kiết.

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm nói lược là dứt ba kiết, nói rộng là dứt tám mươi tám kiết. A-na-hàm nói lược là dứt năm hạ phần kiết, nói rộng là dứt chín mươi hai kiết. A-la-hán nói lược là dứt ba lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; nói rộng là dứt hết thấy phiền não. Ấy gọi là trí và đoạn; trí và đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Hàng Thanh-văn do bốn thánh đế được đạo, hàng Bồ-tát do một thánh đế vào đạo. Phật nói bốn thánh đế đều là một thánh đế, vì phân biệt nên có bốn. Bốn đế ấy là trí và đoạn của Nhị thừa đều ở trong một đế. Bồ-tát trước tiên trú trong nhu thuận nhẫn, học vô sinh vô diệt, cũng chẳng phải vô sinh, chẳng phải vô diệt; lìa hữu kiến, vô kiến, hữu vô kiến, chẳng phải hữu chẳng phải vô kiến... dứt hết các hí luận, được vô sinh nhẫn.

Vô sinh nhẫn là trong phẩm sau Phật tự nói: Cho đến khi làm Phật thường không sinh ác tâm, ấy gọi là vô sinh nhẫn. Luận giải nói: Được nhẫn ấy, quán hết thấy pháp rốt ráo không; tâm và tâm số pháp dứt các duyên, không sinh, ấy gọi là vô sinh nhẫn.

Lại nói có thể vượt qua trí tuệ của Thanh-văn, Bích-chi Phật, gọi là

vô sinh nhãn. Trí tuệ Thanh-văn, Bích-chi Phật quán năm uẩn sinh diệt nên sinh tâm nhằm chán, lìa dục mà được giải thoát. Bồ-tát do trí tuệ và phước đức lớn nên trong khi quán năm uẩn sinh diệt, tâm không sợ hãi như Tiểu Thừa; Bồ-tát dùng mắt tuệ tìm định tướng của pháp sinh diệt không thể có được, như đã nói trong phẩm Phá sinh ở trước. Chỉ dùng mắt thịt và tâm thô thiển thì thấy có vô thường sinh diệt; hàng phàm phu đối với các pháp thấy thường, mà khi pháp chấp trước ấy trở về vô thường, thì chúng sinh lo buồn, khổ não. Thế nên Phật nói muốn lìa ưu khổ chớ quán tướng thường. Nói vô thường ấy là vì phá điên đảo chấp thường, chứ không vì chấp đắm vô thường mà nói, thế nên Bồ-tát bỏ quán sinh diệt, vào trong vô sinh vô diệt.

Lại hỏi: Nếu vào vô sinh vô diệt tức là thường, thì làm sao xa lìa được điên đảo chấp thường?

Phật đáp: Như vô thường có hai: Một là phá điên đảo chấp thường mà không chấp vô thường; hai là chấp vô thường sinh hí luận; vô sinh nhãn cũng như vậy; Một là tuy phá sinh diệt mà không chấp vô sinh vô diệt nên không đọa vào điên đảo chấp thường; hai là chấp không sinh diệt nên đọa vào điên đảo chấp thường.

Chân thật vô sinh là dứt các quán, đừng ngôn ngữ bật, quán hết thấy pháp như tướng Niết-bàn, từ xưa lại đây thường tự không sinh; được vô sinh vô diệt, rốt ráo thanh tịnh ấy thì quán vô thường còn không chấp thủ, hưởng gì sinh diệt? Các tướng như vậy gọi là vô sinh pháp nhãn. Được vô sinh nhãn ấy liền vào địa vị Bồ-tát; vào địa vị Bồ-tát rồi do trí Nhất thiết chủng dứt các phiền não và tập khí, dùng mọi nhân duyên độ thoát chúng sinh; như cây có trái ngon làm lợi ích nhiều.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đạo chủng trí của Bồ-tát?

Phật đáp: Bồ-tát trú trong vô sinh pháp nhãn được thật tướng các pháp. Từ thật tướng khởi lên, lấy danh tướng, ngôn ngữ các pháp tự mình hiểu rõ; tự mình hiểu rõ rồi lại vì chúng sinh diễn nói, khiến được khai ngộ. Bồ-tát nhờ nhân duyên phước đức nên hiểu âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh, dùng âm thanh biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng không chấp trước âm thanh ấy, vì biết nó như tiếng vang. Âm thanh ấy tức là tướng Phạm âm, vì thế Bồ-tát nên biết hết thấy đạo, xem khắp tâm chúng sinh, biết gốc ngọn của họ rồi đem thiện pháp làm lợi ích, ngăn ngừa pháp bất thiện, như trong kinh nói rộng: Bồ-tát trước hết biết thật tướng các pháp, nên đối với đạo Nhị thừa ra vào tự tại; quán sát rồi đi thẳng qua mà vào địa vị Bồ-tát. Lại vì độ chúng sinh nên khởi đạo tuệ;

muốn vì chúng sinh thuyết pháp, hiểu rõ âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh rồi dùng Phạm âm thuyết pháp, ngăn ngừa đường ác, mở đường thiện. Đường ác là ba ác đạo: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Đường thiện là ba thiện đạo: Người, trời, A-tu-la. Dùng mọi nhân duyên chê trách ác đạo, tán thán thiện đạo. Ngăn đường ác là ngăn đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục. Địa ngục đạo là ba đạo bất thiện. Nhân của địa ngục là ba độc: Tham dục tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tham lam, tật đố; sân nhuế khởi lên đường bất thiện giận dữ, náo hại; ngu si tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tà kiến. Ba độc là nhân của ba đường bất thiện, ba đường bất thiện là nhân của bảy đường bất thiện. Quả của địa ngục là do nhân ấy nên chịu thân địa ngục, tâm chịu các khổ não, đó là quả. Bồ-tát nên xem quả địa ngục của chúng sinh, vậy sau vì họ thuyết pháp, khiến dứt nhân quả và đường địa ngục. Mười đường bất thiện có thượng, trung, hạ. Thượng là địa ngục; trung là súc sinh, hạ là ngạ quỷ. Mười đường thiện cũng có thượng, trung, hạ. Thượng là trời, trung là người; hạ là quỷ thần. Ở mười đường thiện có thể lìa dục, sinh lên cõi Sắc; lìa cõi Sắc, sinh lên cõi Vô sắc. Ở trong ba đường ác thường chịu khổ, nên nói cần nên biết, cần nên ngăn trừ. Ở trong loài người, loài trời có nhân duyên đắc đạo là Niết-bàn nên hoặc có khi bị ngăn; vì bất định, không nói các pháp trợ đạo khác, vì không nên nói ngăn trừ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát phân biệt được như vậy rồi biết chúng sinh nên dùng pháp Tiểu thừa để độ thì dùng pháp Tiểu thừa độ, nên dùng pháp Đại thừa để độ thì dùng pháp Đại thừa độ. Bồ-tát biết tâm sâu xa của chúng sinh và nghiệp nhân duyên đời trước; lại biết nhân duyên quả báo đời sau; lại biết thời tiết và nơi chốn của chúng sinh có thể hóa độ; các nhân duyên có thể hóa độ khác đều biết đầy đủ, thế nên lời nói không hư dối. Trí tuệ biết về đạo chủng và các pháp trợ đạo như vậy đều nhiếp vào trong Bát-nhã; thế nên Bồ-tát nên hành Bát-nhã đạo tuệ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu pháp trợ đạo, Bồ-đề là pháp không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thì pháp trợ đạo ấy đều không, làm sao có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Pháp không, không có sở hữu, thì lẽ đáng không lấy, không bỏ; thí như hư không, không có pháp nên không lấy, không bỏ?

Tu-bồ-đề nói với tâm chân thật không chấp trước, nên Phật hứa khả rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Và nói nhân duyên: Có chúng sinh không biết các pháp tự tướng là không như vậy, nên vì chúng sinh ấy phân biệt

pháp trợ đạo mà có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Chẳng phải chỉ ba mươi bảy phẩm trợ đạo là Không, không hợp, không tán, mà sắc pháp cho đến trí Nhất thiết chủng ở trong thánh pháp, cũng tự tướng là không, không hợp, không tán. Không hợp, không tán là nghĩa rốt ráo không; như trong đây nói nhất tướng, đó là vô tướng. Pháp ấy tuy không, mà vì theo thế đế nên vì chúng sinh nói: Muốn làm cho được vào thánh pháp, chứ chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Trong đây Bồ-tát đều nên biết, thấy, học pháp ấy. Mới biết gọi là biết; về sau vào sâu, gọi là thấy. Biết là chưa rõ ràng, thấy là đã rõ ràng.

Hỏi: Biết và thấy có gì sai khác?

Đáp: Có người nói: Có cái biết chẳng phải thấy, có cái thấy chẳng phải biết, có cái cũng biết cũng thấy, có cái chẳng phải biết chẳng phải thấy.

Có cái biết chẳng phải thấy là chỉ cho trí tận và trí vô sinh, trừ thế gian chánh kiến và năm ác kiến, các tuệ khác đều gọi là biết; ấy là tuệ biết, chẳng phải thấy.

Có cái thấy chẳng phải biết là năm ác kiến và thế gian chánh kiến và nhãn ở trong kiến đế đạo; ấy là thấy, chẳng phải biết. Các tuệ vô lậu khác cũng gọi là biết, cũng gọi là thấy; là thấy và biết ấy, các pháp khác chẳng phải thấy, chẳng phải biết.

Lại nữa, có người nói: Định tâm gọi là thấy, Định và chưa định đều thông suốt gọi là biết; như trong kinh Chuyển Pháp Luân nói: Khổ đế biết rồi nên thấy; biết rồi phân biệt biết, pháp ấy nên thấy, ấy là Khổ đế; pháp ấy nên đoạn, ấy là Tập đế; pháp ấy nên chứng, ấy là Diệt đế; pháp ấy nên tu, ấy là Đạo đế. Hoặc biết phiền não dứt gọi là thấy; như biết chín phẩm Hoặc đoạn trừ.

Tu-bồ-đề nghe nói danh từ khác của Bát-nhã gọi là thánh pháp, nên hỏi: Những gì là thánh pháp?

Phật đáp: Trong thánh pháp, các Hiền Thánh hoặc Phật, hoặc Bích-chi Phật, hoặc Thanh-văn, cho là các pháp tham dục.. không hợp, không tán. Không hợp là hết thủy phiền não gọi là điên đảo; điên đảo tức là không có sở hữu. Nếu không có sở hữu, thì làm sao có thể hợp? Nếu không hợp làm sao có tán? Vì không hợp nên không khinh phàm phu; vì không tán nên không tự cao; đối với chúng sinh không thương không ghét. Trong đây Phật tự nói nhân duyên không hợp, không tán, đó là: Các pháp đều không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Pháp không có sắc với pháp không có sắc không hợp, không tán, cho đến pháp không có tướng với pháp không có tướng không hợp,

không tán. Vì sao? Vì pháp ấy đều là một tính, tự tính Không hợp với tự tính, ấy gọi là nhất tướng vô tướng của Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát nên học. Học rồi không có tướng pháp có thể được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bồ-tát không học tướng sắc chẳng? Cho đến không học tướng hữu vi vô vi chẳng? Nếu không học các pháp tướng ấy, tại sao trong kinh nói Bồ-tát trước tiên học các pháp tướng, sau vượt qua Thanh-văn, Bích-chi Phật địa? Nếu không vượt qua Thanh-văn, Bích-chi Phật, làm sao vào địa vị Bồ-tát như trong kinh đây rộng nói?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu các pháp thật có tướng thì nên học tướng ấy. Nay Tu-bồ-đề! Nhưng các pháp thật không có tướng, thế nên Bồ-tát không nên học tướng; không có tướng cũng không nên học, vì học là chấp thủ tướng. Việc phá tướng như trong phẩm Vấn tướng đã nói. Có Phật hay không có Phật, thì các pháp vẫn thường trú, nhất tướng vô tướng.

Tu-bồ-đề theo Phật nghe nói hết thấy pháp là vô tướng, nay lại hỏi Phật: Nếu hết thấy pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, thì làm sao Bồ-tát tu Bát-nhã? Nếu có vô tướng thì nhân nơi vô tướng có thể tu Bát-nhã? Nay tướng và vô tướng đều không, vậy nhân việc gì được tu Bát-nhã? Nếu không tu Bát-nhã thì không thể vượt qua địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, cho đến không thể an lập nơi ba phước điền?

Phật hứa khả lời ấy rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Và nói nhân duyên tu Bát-nhã; Bồ-tát không vì tu tướng nên là tu Bát-nhã; tu vô tướng nên là tu Bát-nhã.

Bạch Thế Tôn! Làm sao tu vô tướng là tu Bát-nhã? Nếu vô tướng, thì làm sao có thể tu?

Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã, vì các pháp hư hoại nên tướng vô tướng cũng hư hoại; thí như chiếc xe hư hoại nên tướng bánh xe cũng diệt; như vậy cho đến vi trần.

Bạch Thế Tôn! Những pháp gì có thể phá hoại?

Phật đáp: Tu sắc pháp phá hoại tức là tu Bát-nhã Ba-la-mật; tu dứt hết thấy phiền não tập khí tức là tu Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Làm sao tu pháp sắc phá hoại cho đến tu dứt hết thấy phiền não tập khí phá hoại là tu Bát-nhã?

Phật đáp: Bồ-tát nhất tâm niệm đến Nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, muốn được chánh hạnh Bát-nhã Ba-la-mật, không nghĩ đến sắc là hữu pháp; tu như vậy là tu Bát-nhã, vì cho sắc là định tướng có thật, thì mắc lỗi hữu tướng. Vì cớ sao? Vì trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hữu tướng là không tu Bát-nhã, vì trong Bát-nhã vô pháp còn không có, huống gì hữu pháp! Người ấy không tu Bát-nhã, cũng không tu năm Ba-

la-mật; người ấy chấp trước hí luận pháp hữu, không tu bố thí... Người chấp trước như vậy không có giải thoát, không có đạo, không có Niết-bàn. Không có ba môn giải thoát gọi là không có giải thoát; không có pháp không của Thánh nhân gọi là không có đạo; không có đạo nên không có Niết-bàn.

Hỏi: Vì cơ sao không có đạo?

Đáp: Vì người ấy hí luận pháp, không nhàm chán già bệnh chết, chấp trước vào pháp nên sinh tà kiến; vì tà kiến nên không thể như thật quán sát thân bất tịnh...; không thể quán thân nên không thể tu thân niệm xứ; không tu thân niệm xứ nên không thể tu thọ, tâm, pháp niệm xứ; không tu bốn niệm xứ nên không thể tu tam-muội Không cho đến trí Nhất thiết chủng. Vì sao? Vì chấp trước pháp hữu.

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hữu, những gì là pháp vô? Phạm phu hoặc đối với pháp hữu sinh vô tướng, đối với pháp vô sinh tướng hữu? Muốn phân biệt việc ấy nên hỏi Phật.

Phật đáp: Hai tướng là pháp hữu, chẳng phải hai tướng là pháp vô.

Tu-bồ-đề hỏi: Những gì là hai pháp?

Phật đáp: Chấp thủ sắc tướng tức là hai, như trong phẩm trước nói. Lìa sắc không có mắt, lìa mắt không có sắc, cho đến tính hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì lìa hữu vi không được nói vô vi; lìa vô vi không được nói thật tướng hữu vi; thế nên hai pháp ấy không được lìa nhau mà phạm phu cho đó là hai, thế nên điên đảo. Phật lược nói hai tướng, đối với hết thấy pháp chấp thủ tướng đều là hai, hết thấy hai đều là hữu, thích ứng với hữu bèn có sinh tử. Vì sao? Vì đối với hữu mà sinh tâm chấp trước, nhân tâm chấp trước mà sinh các phiền não, vì phiền não mà qua lại sinh tử, vì sinh tử mà ưu bi khổ não; thế nên nói thích ứng với pháp hữu bèn có sinh tử, có sinh tử thì không tránh được khỏi già, bệnh, ưu, khổ. Nay Tu-bồ-đề! Vì vậy nên biết người chấp hai tướng, không có Thí Ba-la-mật cho đến không có thuận nhãn, huống gì thấy được thật tướng của sắc, cho đến thấy được thật tướng của trí Nhất thiết trí. Người ấy nếu không thấy được thật tướng của sắc... thì không có tu đạo, làm sao có quả Tu-đà-hoàn cho đến dứt hết thấy phiền não tập khí?

Sáu Ba-la-mật có hai: Thế gian và xuất thế gian. Người ấy không có sáu Ba-la-mật xuất thế gian, thế nên nói người chấp tướng hữu ấy không có sáu Ba-la-mật. Nếu có là chỉ có Ba-la-mật thế gian, nhưng trong đây không nói Ba-la-mật thế gian. Đạo quả Thanh-văn còn không có, huống gì có Phật đạo?

Hỏi: Thuận nhãn là thuận nhãn nào?

Đáp: Đó là thuận nhãn của Tiểu thừa. Thuận nhãn của Tiểu thừa còn không có, huống gì của Đại thừa!

Hỏi: Địa vị đẳng pháp đã không bị thối chuyển, cố gì còn nói cho đến địa vị nhãn pháp?

Đáp: Trong pháp Thanh-văn cũng nói đẳng đọa, trong pháp Đại thừa cũng nói đẳng đọa, cố gì nói đẳng pháp không đọa? Có người nói: Tuy ở đẳng pháp không thối đọa, nhưng không bền chắc, không nhất định nên không nói. Nhãn là an trú lâu, đã vào chánh định, tuy chưa được vô lậu mà đồng với vô lậu. Vì tùy thuận với khổ pháp nhãn nên gọi là nhãn; vì chưa từng thấy pháp ấy, hễ thấy liền nhãn được nên gọi là nhãn. Người ấy với Phật Thánh là nhỏ mà với phàm phu là lớn.

Thấy sắc có hai: Một là thấy thật tướng sắc rõ ràng, hai là dứt phiền não ràng buộc theo các sắc, nên gọi là thấy. Giống như sắc cho đến trí Nhất thiết chủng, và việc dứt hết thấy phiền não tập khí cũng như vậy. Nếu người thấy sắc thì tu đạo còn không có được, huống gì tu được quả Tu-đà-hoàn cho đến dứt phiền não tập khí!

-----o0o-----